

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3
Cho kỳ kế toán từ 01/07/2018 đến 30/09/2018

Hà Nội - Tháng 10 năm 2018

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO KỲ KẾ TOÁN 30 THÁNG 9 NĂM 2018	
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2018	3-4
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 09 năm 2018	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tại ngày 30 tháng 09 năm 2018	6-7
Thuyết minh Báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2018	8 - 36

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 3 của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ 01/07/2018- 30/09/2018.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.
Tên viết tắt là : SHC
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch
	Ông Lê Xuân Thi	Thành viên
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính quý 3 cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính quý 3 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Mẫu B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN QUÝ 3
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

	MS	TM	30/09/2018 VND	30/06/2018 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		631,138,109,176	669,283,614,705
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8,056,831,610	18,902,887,345
1. Tiền	111		8,056,831,610	18,902,887,345
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		401,248,147,213	427,004,817,474
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	231,025,361,775	250,667,215,097
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	290,776,144,818	290,776,144,818
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		14,445,095	14,445,095
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	136,132,477,276	142,247,294,215
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(256,700,281,751)	(256,700,281,751)
IV. Hàng tồn kho	140		209,184,815,245	208,932,624,209
1. Hàng tồn kho	141	5.6	209,184,815,245	208,932,624,209
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,648,315,108	14,443,285,677
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,713,982,389	10,400,851,635
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	5,934,332,719	4,042,434,042
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		460,642,172,874	462,066,786,810
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		295,930,529,393	295,315,909,881
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		614,619,512	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	295,315,909,881	295,315,909,881
II. Tài sản cố định	220		8,159,326,435	9,133,077,344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	8,159,326,435	9,133,077,344
- Nguyên giá	222		57,680,561,083	57,533,074,953
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49,521,234,648)	(48,399,997,609)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	72,177,378,034	72,177,378,034
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		72,177,378,034	72,177,378,034
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	69,804,181,233	69,804,181,233
1. Đầu tư vào công ty con	251		42,219,457,512	42,219,457,512
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		190,904,653,107	190,904,653,107
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10,528,713,942	10,528,713,942
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(173,848,643,328)	(173,848,643,328)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14,570,757,779	15,636,240,318
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	14,570,757,779	15,636,240,318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1,091,780,282,050	1,131,350,401,515

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

	MS	TM	30/09/2018 VND	30/06/2018 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1,248,066,614,242	1,278,560,164,512
I. Nợ ngắn hạn	310		931,493,370,544	961,986,920,814
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	264,684,135,506	280,418,072,903
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	71,422,438,887	94,122,935,431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	816,587,170	830,635,792
4. Phải trả người lao động	314		2,208,122,698	2,315,002,971
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	346,031,009,337	338,828,913,364
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	50,901,449,343	49,741,731,350
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	195,219,563,313	195,519,564,713
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		210,064,290	210,064,290
II. Nợ dài hạn	330		316,573,243,698	316,573,243,698
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	55,170,809,696	55,170,809,696
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	261,402,434,002	261,402,434,002
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(156,286,332,192)	(147,209,762,997)
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	(156,286,332,192)	(147,209,762,997)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270,000,000,000	270,000,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		270,000,000,000	270,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,126,376,429	24,126,376,429
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,072,018,933	1,072,018,933
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		26,293,456,226	26,293,456,226
8. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		25,981,000	25,981,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5,941,310,206	5,941,310,206
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(483,745,474,986)	(474,668,905,791)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(474,668,905,791)	(455,800,941,691)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(9,076,569,195)	(18,867,964,100)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1,091,780,282,050	1,131,350,401,515

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018

Người lập



Phạm Thị Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Mẫu B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30/09/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			từ 01/07/2018- 30/09/2018 VND	từ 01/01/2018- 30/09/2018 VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	4,786,209,629	14,148,379,452
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		4,786,209,629	14,148,379,452
4 Giá vốn hàng bán	11	5.20	4,710,161,626	13,970,058,002
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		76,048,003	178,321,450
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	133,319,221	2,693,438,932
7 Chi phí tài chính	22	5.22	6,182,410,537	18,687,472,695
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,182,410,537	18,687,472,695
8 Chi phí bán hàng	25		-	-
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.23	5,331,322,252	15,360,694,971
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(11,304,365,565)	(31,176,407,284)
12 Thu nhập khác	31	5.24	2,323,494,106	5,539,844,197
13 Chi phí khác	32	5.24	95,697,736	2,307,970,208
14 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2,227,796,370	3,231,873,989
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(9,076,569,195)	(27,944,533,295)
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(9,076,569,195)	(27,944,533,295)

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018

Người lập

Phạm Thị Phúc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán Quý 3 kết thúc ngày 30/09/2018

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán từ
		từ 01/07/2018- 30/09/2018 VND	01/01/2018- 30/06/2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(9,076,569,195)	(18,867,964,100)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1,121,237,039	2,669,753,122
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(133,319,221)	(2,560,119,711)
- Chi phí lãi vay	06	6,182,410,537	12,505,062,158
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1,906,240,840)	(6,253,268,531)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	26,937,021,318	37,561,863,076
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(252,191,036)	28,506,397
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(36,375,959,407)	9,773,366,597
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	1,065,482,539	2,175,886,623
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(1,996,467,545)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(10,531,887,426)	41,289,886,617
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(147,486,130)	-
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	243,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(574,401,818)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5,114,913,673
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	133,319,221	2,560,119,711
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(14,166,909)	7,343,631,566
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	65,219,780,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(65,219,780,000)
3. Tiền thu từ cho vay	33	-	155,298,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(300,001,400)	(50,667,906,576)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(300,001,400)	(50,512,608,576)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(10,846,055,735)	(1,879,090,393)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18,902,887,345	20,781,977,738
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	8,056,831,610	18,902,887,345

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018

Người lập



Phạm Thị Phúc

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhung

Tổng Giám đốc



Lê Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là: SONG HONG CORPORATION.

Tên viết tắt là: SHC

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, Tp Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty, đơn vị	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%	55,73%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	55,00%	66,31%
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	51,00%	57,08%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100,00%	100,00%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết		
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	43,25%	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	21,00%	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	20,00%	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội	22,51%	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	62,81%	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	45,45%	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	13,33%	-
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	22,51%	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	37,98%	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ
Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6	Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Ban điều hành thi công gói thầu số 3 – Dự án thoát nước Hà Nội	Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ban quản lý dự án Khu nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Việt Nam	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính quý 3 kèm theo lập cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc ngày 30/09/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán quý 3 kết thúc ngày 30/09/2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hoạt động liên tục

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Tại ngày 30/09/2018, lỗ lũy kết là 483,7 tỷ đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 156,2 tỷ đồng, kết quả hoạt động kinh doanh năm quý 1,2 và quý 3 năm 2018 âm, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 300,3 tỷ đồng, các khoản nợ ngân hàng phần lớn đã quá hạn ảnh hưởng tới việc huy động vốn duy trì hoạt động của Công ty. Để khắc phục tình trạng này, ban giám đốc đã thực hiện các biện pháp:

- Đàm phán với Ngân hàng gia hạn nợ, miễn giảm lãi vay.
- Tái cơ cấu Tổng Công ty thông qua việc chuyển nhượng phần vốn tại các công ty con, công ty liên kết. Cụ thể, tại Văn bản số 39/TCT-HĐQT ngày 16/5/2017 của Hội đồng quản trị về việc báo cáo "Phương án tái cấu trúc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng giai đoạn 2017 – 2020" với các nội dung chính: Tái cấu trúc tài chính, tái cấu trúc vốn và sở hữu tại các công ty con, tái cấu trúc các khoản đầu tư. Tuy nhiên việc thoái vốn tại các đơn vị còn vướng do giá trị định giá cao, tỷ lệ thoái vốn nhỏ không chi phối nên chưa thu hút được các nhà đầu tư
- Tích cực quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ, tuy nhiên trong 9 tháng đầu năm một số công trình còn chưa thu hồi được do chủ đầu tư còn đang thực hiện công tác kiểm toán nhà nước, kiểm toán vốn đầu tư....
- Tăng vốn điều lệ thêm 180 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2017 bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông. Thủ tục này đến nay còn vướng do Tổng công ty đang phải thực hiện bản án phúc thẩm liên quan đến khoản bảo lãnh cho Công ty cổ phần thép Sông Hồng tại Ngân hàng SHB.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của Cổ đông lớn là Bộ Xây dựng, Ban giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê đồ gá: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2018 VND	30/06/2018 VND
Tiền mặt	66,900,844	737,057,026
Tiền gửi ngân hàng	7,989,930,766	18,165,830,319
Tổng	8,056,831,610	18,902,887,345

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2018	30/06/2018
	VND	VND
Ban quản lý Dự án ĐTPPT Giao thông đô thị Hà Nội	15,331,551,500	15,331,551,500
Sở Văn Hóa thể thao du lịch Tỉnh Nam Định	20,081,781,282	20,081,781,282
BQL dự án Cung quy hoạch, hội chợ và triển lãm tỉnh Quảng Ninh	27,762,039,000	27,762,039,000
Ban QLDA các công trình xây dựng tỉnh Sóc Trăng	10,206,469,340	10,206,469,340
Ban QLDA công trình xây dựng y tế	11,151,988,000	11,151,988,000
Công ty CP Bất động sản Đông Đô - Bộ Quốc phòng	11,307,844,390	11,307,844,390
Các đối tượng khác	135,183,688,263	154,825,541,585
Tổng	231,025,361,775	250,667,215,097

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2018VND	30/06/2018VND
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (Sông Hồng 24)	43,574,509,655	43,574,509,655
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126,390,086,131	126,390,086,131
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	17,179,767,259	17,179,767,259
Các đối tượng khác	103,631,781,773	103,631,781,773
Tổng	290,776,144,818	290,776,144,818

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.4 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	30/09/2018		30/06/2018	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	136,132,477,276	(90,939,692,462)	142,247,294,215	(90,939,692,462)
Phải thu về CP hóa	5,115,072,141	-	5,115,072,141	-
Tạm ứng	17,783,116,433	(4,701,286,191)	17,848,152,391	(4,701,286,191)
Ký cược, ký quỹ	205,000,000	-	205,000,000	-
Phải thu khác ngắn hạn	113,029,288,702	(86,238,406,271)	119,079,069,683	(86,238,406,271)
<i>Trong đó:</i>				
+ Phải thu về việc bàn giao Trường về BXD (*)	-	-	-	-
+ Công ty CP Sông Hồng 6	27,893,362,959	(27,893,362,959)	27,893,362,959	(27,893,362,959)
+ Phải thu khác	63,292,343,765	(58,345,043,312)	63,292,343,765	(58,345,043,312)
Dài hạn	295,315,909,881	-	295,315,909,881	-
Phải thu BQL Dự án Thái Hà lợi nhuận được chia theo số tạm tính	276,576,731,784	-	276,576,731,784	-
Phải thu khác dài hạn	18,739,178,097	-	18,739,178,097	-
Tổng	431,448,387,157	(90,939,692,462)	437,563,204,096	(90,939,692,462)

Trong đó:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.5 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	30/9/2018		30/06/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	299,626,625,214	42,926,343,463	299,626,625,214	42,926,343,463
Trong đó:				
		Quá hạn trên 01 năm	Quá hạn trên 02 năm	Quá hạn trên 03 năm
Công ty CP Sông Hồng 6		-	27,893,362,959	-
Công ty CP Sông Hồng 36		-	19,190,611,925	-
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (SH 24)		-	27.646.653.721	-
Cty CP đầu tư XD Minh Phương		-	9,100,000,000	-
Công ty CP tư vấn TK&XD Sông Hồng		-	9,750,490,759	-
Các đối tượng khác		-	233,692,159,571	-
Tổng		-	299,626,625,214	-

5.6 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	9/30/2018		30/06/2018	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
Chi phí SX KDDD	170,404,815,245	-	170,152,624,209	-
Hàng hóa (*)	38,780,000,000	-	38,780,000,000	-
Tổng	209,184,815,245	-	208,932,624,209	-

(*): Khoản tiền Tổng Công ty chi ra để mua lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý nên vẫn đang theo dõi khoản tiền này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục Người mua trả tiền trước trên Báo cáo tài chính, số tiền 38.780.000.000 VND.

5.7 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		30/09/2018	
	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ
Phải nộp	830,635,792	27,129,849	41,178,471	816,587,170
Thuế giá trị gia tăng	310,983,135	-	-	310,983,135
Thuế thu nhập cá nhân	148,234,677	27,129,849	41,178,471	134,186,055
Thuế nhà đất tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế khác	371,417,980	-	-	371,417,980
Phải thu	4,042,434,042	-	1,891,898,677	5,934,332,719
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	4,042,434,042	-	1,891,898,677	5,934,332,719

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.8 Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2018	30/06/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	72,177,378,034	72,177,378,034
- Khách sạn Royal Sông Hồng (i)	35,602,635,193	35,602,635,193
- Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 – tạm tính (ii)	23,725,454,545	23,725,454,545
- Dự án Khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật (iii)	12,581,660,114	12,581,660,114
- Dự án Lĩnh Nam	267,628,182	267,628,182
Tổng	72,177,378,034	72,177,378,034

(i): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện theo kế hoạch ban đầu là 18 tháng. Nhưng do khó khăn trong vấn đề cấp vốn nên Dự án phải kéo dài hơn so với kế hoạch. Tính đến thời điểm lập BCTC này, Dự án đã hoàn thành các hạng mục chính. Các hạng mục còn lại là Hệ thống điều áp và Thang máy sẽ được triển khai tiếp trong thời gian tới. Theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 30/03/2015 của Hội đồng quản trị thì Tổng Công ty đang có kế hoạch tìm các đối tác đầu tư thành lập công ty để quản lý khai thác dự án, Tổng Công ty tham gia góp 45% vốn điều lệ tương ứng với phần chi phí đã bỏ ra. Tài sản hình thành từ Dự án được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

(ii): Giá trị tạm tính phần diện tích văn phòng thuộc Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 được phân chia theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

(iii) Đây là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư, xây dựng công trình "Dự án khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật" theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 06/03/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia về việc thực hiện Dự án nhà ở cán bộ, công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia trên các lô đất 04 - BT3, 04 - CT2 và 04 - CT3 thuộc khu vực quy hoạch Bắc Cổ Nhuế - Chèm, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Theo thỏa thuận trong biên bản hợp ngày 26/11/2015 giữa Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng thì sau khi xây dựng hoàn thành, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đảm bảo cung cấp cho Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia khoảng 175 căn hộ để phục vụ cho cán bộ, công chức Nhà xuất bản với giá bán là 16.500.000 đồng/m² (giá bán đã bao gồm VAT và phí bảo trì). Phần diện tích và căn hộ đầu tư thêm, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia thống nhất để Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện bỏ vốn kinh doanh. Theo Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 22/07/2014 của Hội đồng Quản trị thì Dự án được thực hiện với tổng mức đầu tư là 1.595 tỷ và thời gian thực hiện dự kiến là 03 năm từ quý I/2014 đến quý IV/2016. Đến nay Dự án đã hết hạn giao chủ đầu tư và Tổng công ty đã nhiều lần có Văn bản gửi UBND Thành phố Hà Nội xin gia hạn thời gian thực hiện dự án nhưng chưa được gia hạn. Đến nay, Tổng công ty đã hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Tập đoàn dược phẩm Vimedimex thay thế Công ty cổ phần xây dựng số 1 Sông Hồng và Công ty cổ phần đầu tư phát triển Đô thị vàng để tiếp tục triển khai dự án và đối tác đã chấp thuận hoàn trả phần chi phí đầu tư ban đầu của Liên danh với số tiền 25 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.9 Chi phí trả trước

	<u>30/09/2018VND</u>	<u>30/06/2018VND</u>
Dài hạn	14,570,757,779	15,636,240,318
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	136,201,867	368,174,768
Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng	1,513,333,320	1,533,333,320
Lợi thế thương mại phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp		
- Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội	12,698,747,249	13,512,256,887
- Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222,475,343	222,475,343
Tổng	<u>14,570,757,779</u>	<u>15,636,240,318</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
 Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.10 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 30/06/2018	8,019,914,997	35,594,234,396	13,473,315,316	445,610,244	57,533,074,953
Tăng trong năm	-	-	-	-	147,486,130
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	147,486,130	147,486,130
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/09/2018	8,019,914,997	35,594,234,396	13,473,315,316	445,610,244	57,680,561,083
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 30/06/2018	5,631,739,878	31,734,654,327	10,587,993,160	445,610,244	48,399,997,609
Tăng trong năm	154,624,404	566,785,172	385,746,963	14,080,500	1,121,237,039
Khấu hao trong năm	154,624,404	566,785,172	385,746,963	14,080,500	1,121,237,039
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/09/2018	5,786,364,282	32,301,439,499	10,973,740,123	459,690,744	49,521,234,648
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 30/06/2018	2,388,175,119	3,859,580,069	2,885,322,156	-	9,133,077,344
Tại 30/09/2018	2,233,550,715	3,292,794,897	2,499,575,193	14,080,500	8,159,326,435

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
 Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09a - DN

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	30/09/2018		30/06/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác	10,528,713,942	(*)	(1,700,000,000)	(*)
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	1,038,110	-	-	-
Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng	1,264,586,273	-	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	500,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	4,063,089,559	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát	1,000,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	2,000,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần TM và Xây lắp Sông Hồng	1,700,000,000	-	(1,700,000,000)	-
(Công ty Cổ phần Sông Hồng 6)				
Tổng	243,652,824,561	(*)	(173,848,643,328)	(*)
				(173,848,643,328)

Công ty con, công ty liên kết à các công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Bảo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.12 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/09/2018		30/06/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a, Ngắn hạn	264,684,135,506		280,418,072,903	
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	55,772,270,299		55,772,270,299	
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	25,243,461,390		35,580,589,837	
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	20,071,122,423		20,071,122,423	
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	28,493,447,615		28,493,447,615	
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	6,644,357,996		6,644,357,996	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cơ khí Sông Hồng	7,015,012,877		8,315,012,877	
Phải trả người bán khác	121,444,462,906		125,541,271,856	
Tổng	264,684,135,506	-	280,418,072,903	

5.13 Người mua trả tiền trước*Đơn vị tính: VND*

	30/09/2018		30/06/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a, Ngắn hạn	71,422,438,887	71,422,438,887	94,122,935,431	94,122,935,431
Các hộ dân Dự án biệt thự Tây Hồ	38,780,000,000	38,780,000,000	38,780,000,000	38,780,000,000
Công ty CP Tập đoàn dược phẩm VIMDIMEX	25,000,000,000	25,000,000,000	25,000,000,000	25,000,000,000
Bà Lê Thị Minh Nguyệt	-	-	21,454,000,000	21,454,000,000
Các đối tượng khác	7,642,438,887	7,642,438,887	8,888,935,431	8,888,935,431
Tổng	71,422,438,887	71,422,438,887	94,122,935,431	94,122,935,431

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.14 Chi phí phải trả

	<u>30/09/2018VND</u>	<u>30/06/2018VND</u>
Ngắn hạn	346,031,009,337	338,828,913,364
Chi phí lãi vay phải trả	117,099,705,600	110,917,295,063
Trích trước giá vốn công trình:	228,931,303,737	227,911,618,301

5.15 Phải trả khác

	<u>30/09/2018VND</u>	<u>30/06/2018VND</u>
Ngắn hạn	50,901,449,343	49,741,731,350
Kinh phí công đoàn	481,816,107	477,592,631
Bảo hiểm xã hội	487,042,343	402,422,367
Bảo hiểm y tế	220,340,957	180,244,730
Bảo hiểm thất nghiệp	44,233,252	26,574,011
Phải trả về Cổ phần hóa	4,169,029,883	4,169,029,883
Phải trả, phải nộp khác	45,498,986,801	44,485,867,728
<u>Trong đó:</u>		
- Công ty CP Nhôm Sông Hồng	3,862,093,801	3,862,093,801
- Phải trả UBND Tỉnh Phú Thọ (Xi Măng Yên Mao)	1,000,000,000	1,000,000,000
- Phải trả Ban quản lý dự án biệt thự Tây Hồ	600,000,000	600,000,000
- Cổ tức phải trả cổ đông	22,919,286,000	22,919,286,000
- Khoản lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước CP hóa chờ xử lý	9,578,124,594	9,578,124,594
- Các khoản phải trả khác	6,526,363,333	5,758,549,520
Dài hạn	261,402,434,002	261,402,434,002
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3 Dự án Thái Hà chờ quyết toán	231,920,228,906	231,920,228,906
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	174,205,096	174,205,096
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo số tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà	26,098,000,000	26,098,000,000
Phải trả tiền ký quỹ để làm sổ đỏ biệt thự D3	210,000,000	210,000,000
Phải trả phải nộp dài hạn khác		
- Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	2,000,000,000	2,000,000,000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Vàng	1,000,000,000	1,000,000,000
Tổng	<u>312,303,883,345</u>	<u>311,144,165,352</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	30/09/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	3,410,173,000	3,410,173,000	-	-	3,410,173,000	3,410,173,000
Vay đối tượng khác	3,410,173,000	3,410,173,000			3,410,173,000	3,410,173,000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	191,809,390,313	191,809,390,313	-	300,001,400	192,109,391,713	192,109,391,713
Ngân hàng TMCP Đại Dương	191,809,390,313	191,809,390,313	-	300,001,400	192,109,391,713	192,109,391,713
- Chi nhánh Hà Tĩnh (iii)						
Tổng	195,219,563,313	195,219,563,313	-	300,001,400	195,519,564,713	195,519,564,713

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn. Đến thời điểm 30/09/2018, giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Hà Tĩnh chưa có văn bản thỏa thuận gia hạn khoản vay trên. Ngày 17/04/2018 Ngân hàng OceanBank đã khởi kiện Tổng công ty tại tòa án nhân dân Quận Tây Hồ. Tổng công ty đang đề nghị Bộ Xây dựng báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công thương yêu cầu Tập đoàn dầu khí Việt Nam sớm thực hiện các thủ tục phê duyệt quyết toán và thanh toán dứt điểm các chi phí phát sinh không lương trước cho Tổng công ty CP Sông Hồng để Tổng công ty có nguồn trả nợ Ngân hàng Oceanbank.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	<u>30/09/2018VND</u>	<u>30/06/2018VND</u>
Dài hạn	55,170,809,696	55,170,809,696
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng (*)	54,973,840,000	54,973,840,000
Doanh thu sử dụng thương hiệu Sông Hồng	196,969,696	196,969,696
Tổng	<u>55,170,809,696</u>	<u>55,170,809,696</u>
	55,170,809,696	55,170,809,696

Trong đó:

(*): Doanh thu cho thuê văn phòng thuộc Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 theo hợp đồng số 06/2012/HDTVPTCT-SH Land ngày 04/09/2012 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	-	25,981,000	5,941,310,206	(455,965,992,837)	(129,578,868,976)
Tăng trong năm	65,219,780,000	-	1,072,018,933	-	-	165,051,146	66,456,850,079
Tăng vốn	65,219,780,000	-	-	-	-	-	65,219,780,000
Tăng khác	-	-	1,072,018,933	-	-	165,051,146	1,237,070,079
Giảm trong năm	(65,219,780,000)	-	-	-	-	(18,867,964,100)	(84,087,744,100)
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	(18,867,964,100)	(18,867,964,100)
Giảm vốn do bán giao Trung trung cấp KTNV Sông Hồng (*)	(65,219,780,000)	-	-	-	-	-	(65,219,780,000)
Số dư tại 30/06/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	25,981,000	5,941,310,206	(474,668,905,791)	(147,209,762,997)
Số dư tại 01/07/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	25,981,000	5,941,310,206	(474,668,905,791)	(147,209,762,997)
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn (*)	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	(9,076,569,195)	(9,076,569,195)
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	-	(9,076,569,195)	(9,076,569,195)
Số dư tại 30/09/2018	270,000,000,000	24,126,376,429	1,072,018,933	25,981,000	5,941,310,206	(483,745,474,986)	(156,286,332,192)

(*) Giám vốn điều lệ do bàn giao Trường Trung cấp Kỹ thuật – Nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng công ty cổ phần Sông Hồng và trực thuộc Bộ Xây dựng và Tăng vốn điều lệ bổ sung từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán hoàn thành ngày 05/01/2018.

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/09/2018	30/06/2018
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	132,412,000,000	132,412,000,000
Phạm Thị Phương Thúy	29,874,000,000	29,874,000,000
Phan Việt Anh	40,319,780,000	40,319,780,000
Các đối tượng khác	67,394,220,000	67,394,220,000
Tổng	270,000,000,000	270,000,000,000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	30/09/2018	30/06/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	270,000,000,000	270,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ		65,219,780,000
Vốn góp giảm trong kỳ		(65,219,780,000)
Vốn góp tại cuối kỳ	270,000,000,000	270,000,000,000

d. Cổ phiếu

	30/09/2018	30/06/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,000,000	27,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,000,000	27,000,000
Cổ phiếu phổ thông	27,000,000	27,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/09/2018 VND	30/06/2018
		VND
Quỹ đầu tư phát triển	26,293,456,226	26,293,456,226
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25,981,000	25,981,000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5,941,310,206	5,941,310,206
Tổng	32,260,747,432	32,260,747,432

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
 Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán từ 01/07/2018- 30/09/2018 VND	Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018- 30/09/2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	4,786,209,629	14,148,379,452
Tổng	4,786,209,629	14,148,379,452

5.20 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán từ 01/07/2018- 30/09/2018 VND	Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018- 30/09/2018 VND
Giá vốn hàng bán	-	-
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	4,710,161,626	13,970,058,002
Tổng	4,710,161,626	13,970,058,002

5.21 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán từ 01/07/2018- 30/09/2018 VND	Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018- 30/09/2018 VND
Lãi bán đầu giá cổ phần (*)		2,505,979,427
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	133,319,221	187,459,505
Tổng	133,319,221	2,693,438,932

(*) Lãi thu được từ bán đầu giá 100% cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô.

5.22 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán từ 01/07/2018- 30/09/2018 VND	Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018- 30/09/2018 VND
Lãi tiền vay	6,182,410,537	18,687,472,695
Tổng	6,182,410,537	18,687,472,695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán từ 01/07/2018- 30/09/2018 VND	Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018- 30/09/2018 VND
Chi phí quản lý	5,331,322,252	15,360,694,971
Chi phí nhân viên quản lý	2,316,564,548	7,902,883,566
Chi phí vật liệu quản lý	29,372,380	106,675,563
Chi phí đồ dùng văn phòng	1,104,069,266	3,322,476,839
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,121,237,039	1,595,039,892
Thuế phí và lệ phí	8,974,424	165,400,725
Chi phí dự phòng	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	694,200,196	1,175,210,169
Chi phí bằng tiền khác	56,904,399	1,093,008,217
Tổng	5,331,322,252	15,360,694,971

5.24 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán từ 01/07/2018- 30/09/2018 VND	Cho kỳ kế toán từ 01/01/2018- 30/09/2018 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý Tài sản cố định		248,181,818
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng		1,258,348,818
Phí thầu chính, thầu phụ	-	-
Thu nhập khác	2,323,494,106	4,033,313,561
Tổng	2,323,494,106	5,539,844,197
Chi phí khác		
Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế		1,400,000
Chi phí khấu hao Tài sản cố định không sử dụng		2,195,950,269
Chi phí khác	95,697,736	110,619,939
Tổng	95,697,736	2,307,970,208
Thu nhập khác/chi phí khác (thuận)	2,227,796,370	3,231,873,989

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/09/2018 VND	30/06/2018 VND
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	Lương, thù lao	(*)	1,035,495,310

(*): Thù lao HĐQT quý 3.2018 được hạch toán vào đầu quý 4.2018

Số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/09/2018 VND	30/06/2018 VND
Giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Bán hàng, dịch vụ	-	302,280,920
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	3,306,424,401
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	301,171,200
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	191,400,000
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	448,169,380
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	207,293,061
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Bán hàng, dịch vụ	-	52,859,571
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	80,025,000
Tổng		-	4,889,623,533

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Số dư với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/09/2018	30/06/2018
Công ty con			
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Mua hàng, dịch vụ	-	-
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Mua hàng, dịch vụ	306,243,802	306,243,802
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Mua hàng, dịch vụ	1,959,778,873	1,959,778,873
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Mua hàng, dịch vụ	-	-
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Mua hàng, dịch vụ	6,152,064,940	6,152,064,940
Tổng		8,418,087,615	8,418,087,615

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/09/2018 VND	30/06/2018 VND
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Các khoản phải thu	57,820,863,011	57,820,863,011
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Các khoản phải thu	43,881,796,736	43,881,796,736
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Các khoản phải thu	18,477,228,797	18,477,228,797
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Các khoản phải thu	42,218,425,121	42,218,425,121
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Các khoản phải thu	1,181,086,560	1,181,086,560
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Các khoản phải thu	18,078,005,969	18,078,005,969

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**Công ty liên doanh liên kết**

Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Các khoản phải thu	6,000,000,000	6,000,000,000
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Các khoản phải thu	13,776,454	13,776,454
Công ty CP Sông Hồng 36	Các khoản phải thu	35,043,091,440	35,043,091,440
Công ty CP Sông Hồng Bình Tây	Các khoản phải thu	573,870,335	573,870,335
Công ty CP Thép Sông Hồng	Các khoản phải thu	3,897,962,892	3,897,962,892
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Các khoản phải thu	4,394,550,567	4,394,550,567
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Các khoản phải thu	1,687,805,547	1,687,805,547
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Các khoản phải thu	3,320,000,000	3,320,000,000
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Các khoản phải thu	8,722,439,407	8,722,439,407
Tổng		245,310,902,836	245,310,902,836

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/09/2018 VND	30/06/2018 VND
Công ty con			
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Các khoản phải trả	4,043,356,460	4,043,356,460
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Các khoản phải trả	2,536,592,811	2,536,592,811
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Các khoản phải trả	6,665,734,324	6,665,734,324
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Các khoản phải trả	55,772,662,939	55,772,662,939
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Các khoản phải trả	41,915,808,709	41,915,808,709
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Các khoản phải trả	4,189,214,560	4,189,214,560
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Các khoản phải trả	20,071,122,423	20,071,122,423
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Các khoản phải trả	277,675,257	277,675,257
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Các khoản phải trả	2,675,781,961	2,675,781,961
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Các khoản phải trả	6,644,357,996	6,644,357,996
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Các khoản phải trả	10,854,052,406	10,854,052,406
Tổng		155,646,359,846	155,646,359,846

6.2 Thông tin khác

Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chi tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp giai đoạn 2014-2015 theo Nghị quyết của Trung ương khóa IX và sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Xây dựng về nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Bộ Xây dựng đã có Công văn số 3351/BXD-QLDN ngày 18/12/2014 về việc chấp thuận phương án tái cấu trúc và nâng cao quản trị Tổng Công ty giai đoạn 2014-2015 và mục tiêu 2020, Tổng Công ty sẽ thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư tại 17 đơn vị. Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông Hồng. Đến tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô.

Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

6.3 Cam kết về đầu tư khác

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính Quý 3 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/09/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vinh Yên – Vinh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

6.4 Các khoản nợ tiềm tàng và cam kết Bảo lãnh vay vốn

Tại thời điểm 30/09/2018, Tổng Công ty có các khoản nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng:

- (i) Tại Văn bản số 1206/TCT-TCKT ngày 19/9/2014, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh khoản vay Ngân hàng và bảo lãnh khác cho Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng số tiền 60 tỷ đồng: trong đó (khoản bảo lãnh vay Ngân hàng NN&PT Nông thôn Chi nhánh Hoàn Kiếm số tiền 40 tỷ đồng); (khoản bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành công trình là 20 tỷ đồng), trong trường hợp Công ty con này không có khả năng trả nợ. Tổng số dư nợ vay được bảo lãnh tại ngày 31/12/2017 là 44,04 tỷ đồng tại ngày 30/06/2018 là 44,04 tỷ đồng.
- (ii) Tại Văn bản số 2072/TCT-TCKT ngày 19/12/2012, Tổng Công ty cam kết bảo lãnh khoản vay Ngân hàng NN & PTNT – Chi nhánh Hoàn Kiếm cho Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương số tiền 40 tỷ đồng, trong trường hợp công ty con này không có khả năng trả nợ. Tổng số dư nợ vay được bảo lãnh tại ngày 31/12/2017 là 30,36 tỷ đồng tại ngày 30/06/2018 là 30,36 tỷ đồng.
- (iii) Theo Bản án số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 về việc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng. Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội kết luận Tổng Công ty Sông Hồng phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Thép Sông Hồng số tiền là 238.974.988.001 đồng, trong đó nợ gốc 95.438.288.472 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn 143.536.699.529 đồng. Hiện nay Tổng công ty đã thực hiện các thủ tục pháp lý kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, đến thời điểm 03/10/2018 Tòa án cấp cao đã có công văn số 01/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2018 gửi Cục thi hành án Tây Hồ tạm hoãn bản án 03 tháng kể từ ngày 12/9/2018. Tuy nhiên tại thời điểm lập báo cáo này Cục thi hành án Quận Tây Hồ vẫn chưa có văn bản gửi ngân hàng và các bên liên quan về việc tạm hoãn thi hành án vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.

6.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Người lập

Phạm Thị Phúc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lã Tuấn Hưng